

Số: 22/2024/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 03 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000;
Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2999/2023/TLST-VHNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ thường trú: Tổ A, khu C, ấp G, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Tổ B, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: Tổ A, khu C, ấp G, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Tổ B, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, ông Nguyễn Hồng T và bà Lê Thị Đ cùng nộp đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Quá trình vận động hòa giải, ông T và bà Đ thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 26 tháng 12 năm 2023. Ông T và bà Đ hiện đang cư trú tại phường H, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

ông bà đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của ông T và bà Đ được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Nguyễn Hồng T và bà Lê Thị Đ tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn ngày 10/6/2008 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 34, quyển số 01-2008 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Ông T và bà Đ có hai con chung là: Nguyễn Hồng P, sinh ngày 25/10/2008 và Nguyễn Hồng A, sinh ngày 13/8/2012. Ông T và bà Đ đã thỏa thuận bà Đ là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Ông T và bà Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông T và bà Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông T và bà Đ thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông T và bà Đ xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy, ông T và bà Đ thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của ông bà đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông T và bà Đ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Hồng T và bà Lê Thị Đ.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Hồng P, sinh ngày 25/10/2008 và Nguyễn Hồng A, sinh ngày 13/8/2012 cho bà Lê Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Hồng T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông T vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên,

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông **Nguyễn Hồng T** và bà **Lê Thị Đ** mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001839 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Ông **T** và bà **Đ** đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thành Thị Thu Trang